

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TĐC21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02057** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Cung cấp điện**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTĐC0264	Nguyễn Phúc An	24/06/2006				5	5.5	7	5.5		7.5		6.8
2	21BTĐC0265	Lê Hoàng Anh	11/04/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
3	21BTĐC0266	Huỳnh Văn Thái	22/06/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
4	21BTĐC0267	Huỳnh Văn Bo	19/04/2006				6	5.5	6	5.5		8.0		7.1
5	21BTĐC0268	Lê Nguyễn Tiến Đạt	21/02/2006				6.5	7.5	7.5	5		10.0		8.7
6	21BTĐC0269	Phùng Văn Đông	22/04/2006				6.5	7	6.5	5.5		10.0		8.5
7	21BTĐC0270	Nguyễn Nhật Trường	12/01/2006				6	8	5	5.5		9.5		8.2
8	21BTĐC0271	Nguyễn Hồng Gia	19/11/2005				7	7	6.5	5.5		9.5		8.3
9	21BTĐC0272	Đỗ Văn Hậu	29/04/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
10	21BTĐC0273	Ngô Nguyễn Hoàng Hiếu	10/11/2005				7	6.5	7	7.5		0.0	0.0	2.8
11	21BTĐC0274	Ông Xuân Hòa	12/11/2004				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
12	21BTĐC0275	Phan Tấn Hoàng	06/12/2005				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
13	21BTĐC0276	Nguyễn Huỳnh Bảo Hôn	22/06/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
14	21BTĐC0277	Dương Lý Khang	09/01/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
15	21BTĐC0278	Ngô Tuấn Khang	29/11/2006				7	7.5	8	7.5		9.0		8.4
16	21BTĐC0279	Nguyễn Nhựt Khang	15/08/2006				7	7.5	6.5	5.5		8.5		7.7
17	21BTĐC0280	Trần Minh Khánh	07/07/2006				6.5	6.5	7	5.5		0.0	0.0	2.5
18	21BTĐC0281	Đỗ Anh Kiệt	27/03/2006				6	7.5	7	5.5		8.0		7.4
19	21BTĐC0282	Lâm Tuấn Kiệt	12/07/2006				7	7	6.5	7		7.0		6.9
20	21BTĐC0283	Võ Tuấn Kiệt	18/11/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
21	21BTĐC0284	Trần Chí Linh	28/02/2006				7	7	6.5	7		0.0	0.0	2.7
22	21BTĐC0286	Nguyễn Hữu Lượng	04/12/2006				8	8	7	8		9.5		8.8
23	21BTĐC0287	Giang Tấn Mạnh	10/12/2005				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
24	21BTĐC0289	Nguyễn Huỳnh Ngân	31/10/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
25	21BTĐC0291	Nguyễn Bảo Phúc	23/06/2006				6.5	6.5	6	6		9.5		8.2
26	21BTĐC0292	Nguyễn Hoàng Phúc	28/01/2006				6.5	5.5	5.5	5		0.0	0.0	2.2
27	21BTĐC0293	Hà Quốc Thắng	27/12/2006				6.5	7	7	5.5		9.0		8.0
28	21BTĐC0294	Ngô Trung Thành	22/02/2006				7	7.5	8	7.5		9.5		8.7
29	21BTĐC0295	Nguyễn Trung Tín	02/02/2005				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
30	21BTĐC0296	Võ Thành Tín	01/05/2003				7	7	7.5	5.5		0.0	0.0	2.7
31	21BTĐC0298	Nguyễn Hữu Toàn	25/06/2006				7	7.5	8	7		0.0	0.0	3.0
32	21BTĐC0300	Lương Khiết Tường	23/08/2006				7.5	7.5	6	6.5		7.0		6.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 11 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phan Thị Hồng Phúc